

**CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN
GAS ĐÔ THỊ**

Tầng 4, số 167 Trung Kính, Cầu Giấy, Hà Nội

Điện thoại: 04.37346848 Fax: 04.37346838

<http://pvgascity.com.vn>



GAS CITY

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
2022**

Hà Nội, ngày 19 tháng 4 năm 2023

Số: 03/BC-KĐT

I. Thông tin chung

1. Thông tin khái quát.

- Tên tiếng Việt: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN GAS ĐÔ THỊ**
- Tên Tiếng Anh: **PETROVIETNAM GAS CITY INVESTMENT AND DEVELOPMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên viết tắt: **PVGAS CITY**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0102349865
- Vốn điều lệ: 188.700.000.000 VND (Một trăm tám tám tỷ bảy trăm triệu đồng)
- Vốn chủ sở hữu tại thời điểm 31/12/2022: 168.222.891.207 VND (một trăm sáu tám tỷ hai trăm hai mươi hai triệu tám trăm chín một nghìn hai trăm lẻ bảy đồng)
- Trụ sở chính: Tầng 4 - Số 167 Trung Kính - Phường Yên Hòa - Cầu Giấy - Hà Nội.
- Điện thoại: 024.37346848; Fax: 024.37346838
- Website: <http://pvgascity.com.vn>
- Email: info@pvgascity.com.vn
- Mã cổ phiếu: PCG
- Logo công ty:



2. Quá trình hình thành và phát triển

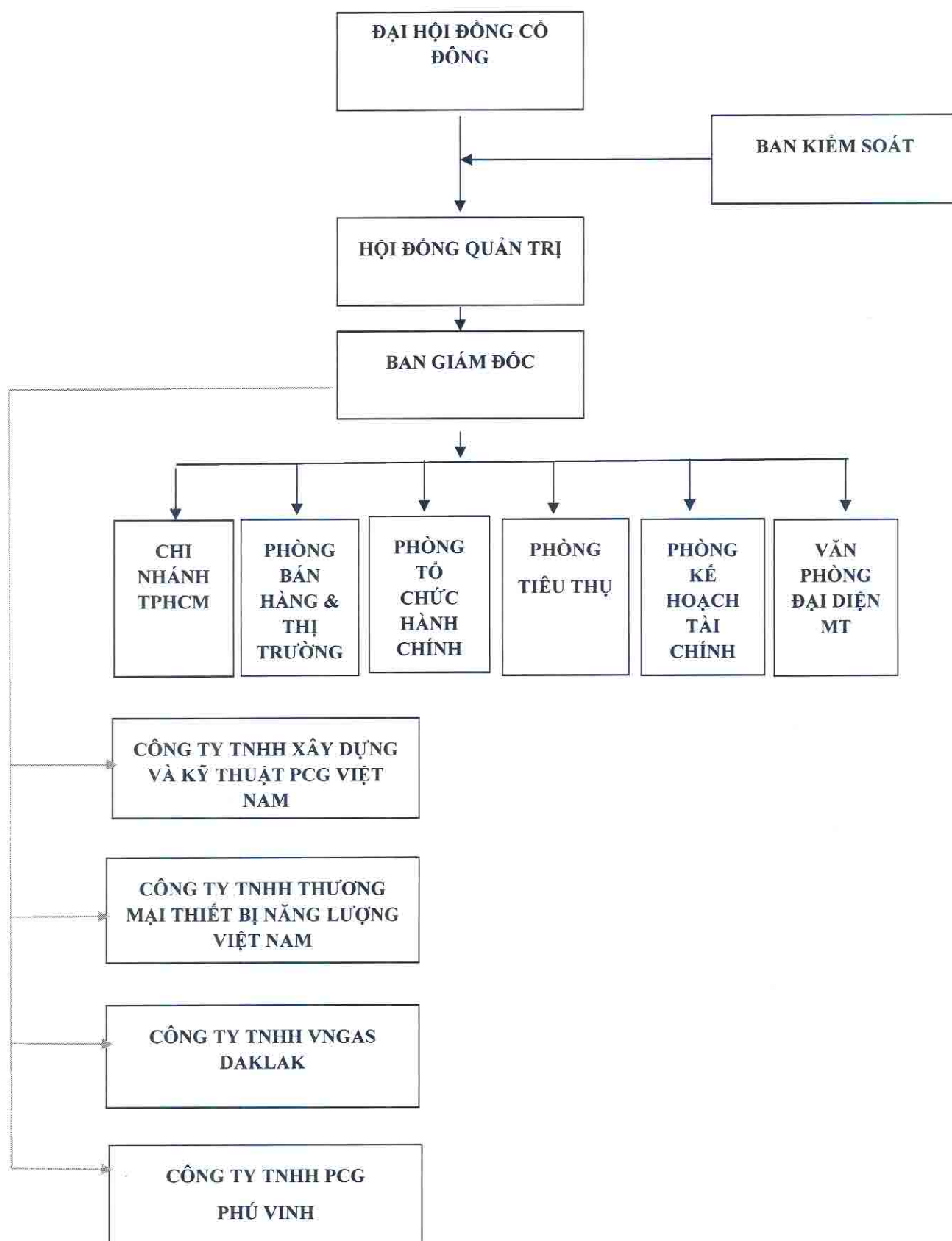
- Thành lập theo nghị quyết số 1877/NQ-DKVN ngày 06/7/2007 của Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị là Công ty cổ phần hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 0102349865 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP Hà Nội cấp lần đầu ngày 10/08/2007, sửa đổi lần thứ 18 ngày 15 tháng 01 năm 2021.
- Thời điểm niêm yết: 29/12/2010

3. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:

- Hoạt động sản xuất kinh doanh chính của công ty là kinh doanh các sản phẩm gas. Các hoạt động liên quan đến xây lắp và cung cấp dịch vụ khác cũng là để phục vụ cho việc kinh doanh các sản phẩm gas.
- Công ty không có hoạt động kinh doanh nào ngoài lãnh thổ Việt Nam. Do vậy, công ty không có bộ phận kinh doanh theo khu vực địa lý nào ngoài lãnh thổ Việt Nam.

4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/

4.1. Mô hình quản trị



Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị được tổ chức và điều hành theo mô hình Công ty cổ phần, tuân thủ các quy định của Luật doanh nghiệp Việt Nam và các quy định khác của pháp luật.

4.2. Cơ cấu bộ máy quản lý.

- Ban điều hành: 02 người
 - o Ông Zhu ZhiLin – Giám đốc
 - o Ông Wu Zhijun - Phó Giám đốc
- Các phòng chức năng, chi nhánh, VPDD:
 - o Phòng Tổ chức hành chính;
 - o Phòng Kế hoạch tài chính;
 - o Phòng Tiêu thụ;
 - o Phòng Bán hàng & thị trường;
 - o Chi nhánh TPHCM;
 - o Văn phòng đại diện Miền Trung.

4.3. Các công ty con:

- o Công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật PCG Việt Nam;
- o Công ty TNHH Thương mại thiết bị năng lượng Việt Nam;
- o Công ty TNHH VNGAS Daklak;
- o Công ty TNHH PCG Phú Vinh.

5. Định hướng phát triển

5.1. Các mục tiêu chủ yếu của Công ty.

- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời, tăng cường các hoạt động tìm kiếm và tiếp xúc để phát triển thêm khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp mới, chú trọng các khách hàng trong các khu công nghiệp có sản lượng dùng gas lớn.
- Mở rộng chuỗi kinh doanh để gia tăng sản lượng và lợi nhuận kinh doanh LPG.
- Tăng cường hợp tác đầu tư, thi công xây lắp hệ thống LPG cho khu công nghiệp và khách hàng công nghiệp nhằm tăng doanh thu xây lắp.
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các khách hàng tại các khu công nghiệp.

5.2. Chiến lược phát triển trung và dài hạn.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm để cung cấp khí cho các khách hàng tại các khu công nghiệp.
- Đầu tư xây dựng mạng lưới hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm cho các khu đô thị lớn, đặc biệt là khí đốt thiên nhiên.
- Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường.
- Chú trọng tập trung lĩnh vực xây lắp, nhận thầu thi công hệ thống gas trung tâm cho các khu đô thị, công nghiệp.
- Đào tạo nâng cao năng lực quản lý và chuyên môn phục vụ hoạt động kinh doanh của Công ty.

- Tăng cường xây dựng, mở rộng các đối tác kinh doanh từ khâu cung cấp nguồn khí, cung cấp VTTB, thi công xây dựng nhằm nâng cao năng lực cung cấp, thi công xây dựng.
- 5.3. Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Công ty.
- Đầu tư xây dựng mạng lưới hệ thống cung cấp khí đốt trung tâm theo ba tiêu chí an toàn, chất lượng, kinh tế, đặc biệt tập trung vào khí đốt thiên nhiên.
 - Phát triển nhiên liệu sạch thân thiện với môi trường.
6. **Các rủi ro:** (Nêu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của Công ty, trong đó có rủi ro về môi trường)
- Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về giá. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do Ban giám đốc đánh giá chi phí để thực hiện phòng ngừa rủi ro giá có thể cao hơn chi phí phát sinh do rủi ro thị trường khi có thay đổi về giá trong tương lai.
 - Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không và để giảm thiểu rủi ro này.
 - Nguy cơ cháy, nổ do thiên tai khách quan và chủ quan (cháy nổ ở các chung cư), ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh. Công ty đang thi hành nhiều biện pháp, chính sách quản lý chất lượng, chính sách an toàn trong từng khâu hoạt động, kinh doanh khí, nhận diện các yếu tố tác động có thể gây rủi ro cháy nổ cao, để có biện pháp quản lý, kiểm soát phù hợp, đồng thời ngăn ngừa tối đa rủi ro do cháy nổ.
 - Hệ thống chính sách pháp luật của Nhà nước trong lĩnh vực hệ thống Gas trung tâm chưa đồng bộ, chưa khuyến khích, gây khó khăn cho doanh nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực này.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Bảng tổng hợp các chỉ tiêu chính

STT	Các chỉ tiêu	Thực hiện 2021	Kế hoạch năm 2022	Thực hiện năm 2022	% thực hiện 22 so với KH 22	% TH 22 so với TH 21
A	B	1	2	3	3/2	3/1
I	Chỉ tiêu sản lượng					
1	LPG (tấn)	20,759	25,595	18,809	73%	91%
2	Xây lắp (ký mới) (tỷ đồng)	1.80				
II	Chỉ tiêu tài chính (tỷ đồng)					

1	Doanh thu	392.81	481.80	420.98	87%	107%
2	Giá vốn	365.00	438.00	398.08	91%	92%
3	Chi phí bán hàng và QLDN	26.37	34.52	23.78	69%	90%
4	Lợi nhuận tài chính	1.80		0.89	%	49%
5	Lợi nhuận khác	0.72		0.09	%	12.5%
6	Lợi nhuận trước thuế	3.95	4.15	0.1	2.5%	2.5%
7	Lợi nhuận sau thuế	3.92	4.15	0.1	2.5%	2.5%

2. Tổ chức và nhân sự

2.1. Ban điều hành

2.1.1. Ông Zhu ZhiLin - Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 06/06/1967
- Quốc tịch: Trung Quốc
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân chuyên ngành kiểm tra biên phòng, kiểm tra an toàn

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
10/2012 – 12/2012	ENN Energy Holdings Limited vùng Quảng Đông – Phúc Kiến – Giang Tây, Trung Quốc	Phó Tổng giám đốc
01/2013 – 01/2014	ENN Energy Holdings Limited khu vực phía Nam Trung Quốc	Phó Tổng giám đốc
02/2014 – 12/2016	Hefei ENN Gas và Hanshan ENN Gas	Tổng giám đốc
01/2017 – 02/2017	Công ty TNHH năng lượng sạch Anhuy ENN	Tổng giám đốc
03/2018 – 02/2019	Anhui ENN Energy Development	Phó tổng giám đốc
03/2019 – 03/2020	ENN Energy Holdings Limited Anhui Company	Phó tổng giám đốc
01/2021 – nay	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị	Giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: 4.700.000 CP

2.1.2. Ông Wu Zhijun – Phó Giám đốc

- Giới tính: Nam
- Ngày tháng năm sinh: 09/09/1987
- Quốc tịch: Trung Quốc
- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư chuyên ngành Công trình nhiệt năng và động lực
- Quá trình công tác:

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
07/2010 – 01/2011	Công ty TNHH Gas Xinao Quảng Châu	Quản lý dự án – Phòng kỹ thuật
01/2011 – 04/2012	Công ty TNHH Gas Xinao Quảng Châu	Phó Giám đốc – Phòng kỹ thuật
05/2012 – 12/2012	Công ty TNHH Gas Xinao Quảng Châu	Giám đốc – Phòng An toàn và chất lượng kỹ thuật
01/2013 – 05/2014	Công ty TNHH Gas Xinao Quảng Châu	Giám đốc – Phòng An ninh
06/2014 – 06/2015	Công ty TNHH Gas Xinao Quảng Châu	Người phụ trách – Trung tâm điều hành
07/2015 – 01/2017	Công ty TNHH Gas Xinao Quảng Châu	Giám đốc Phòng vận hành
01/2021 – nay	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó giám đốc

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.2. Kế toán trưởng

2.2.1. Bà Phan Ngọc Lan – Phụ trách kế toán

- Ngày tháng năm sinh: 30/09/1971
- Nơi sinh: Hà Nội Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: Số 7/564/32 Nguyễn Văn Cừ, Gia Thụy, Long Biên, Hà Nội
- Số CCCD: 001171044677 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 10/07/2021
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế chuyên ngành Kế toán
- Quá trình công tác, kinh nghiệm

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
1993 – 2008	Công ty CP Bánh kẹo Hải Hà	Nhân viên kế toán
2008 – 2010	CTCP đầu tư phát triển hạ tầng viễn thông	Nhân viên phòng Tài chính
2010 – 10/2020	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Nhân viên kế toán
11/2020 – 02/2021	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phó phòng TCKT
03/2021 – nay	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas Đô thị	Phụ trách kế toán

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.2.2. Ông Nguyễn Trúc Lâm – Kế toán trưởng

- Ngày tháng năm sinh: 03/8/1976
- Nơi sinh: Hà Nội Quốc tịch: Việt Nam Dân tộc: Kinh
- Địa chỉ thường trú: B4 – P108 Đồng Xa – Mai Dịch – Cầu Giấy – Hà Nội
- Số CCCD: 001076027392 do CCS QLHC về TTXH cấp ngày 07/7/2020
- Trình độ văn hoá: 12/12
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ kinh tế
- Quá trình công tác, kinh nghiệm

Thời gian	Đơn vị công tác	Chức vụ
2013 - 2016	Công ty liên doanh xây dựng và vật liệu xây dựng Sunway Hà Tây	Kế toán trưởng
2016 - 2017	Công ty cổ phần điện nhẹ viễn thông	Phó ban Tài chính kế toán
2018 - 2022	Công ty cổ phần dầu khí An Pha	Kế toán trưởng
2021 – nay	Trường Đại học Công nghệ và quản lý Hà Nội	Trợ giảng
01/2023 – 02/2023	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị	Phó phòng Kế hoạch tài chính
01/3/202 – nay	Công ty cổ phần đầu tư phát triển Gas đô thị	Kế toán trưởng

- Số cổ phần sở hữu cá nhân: Không

2.3. Những thay đổi trong điều hành

- Trong năm 2022, Công ty không có sự thay đổi nhân sự trong ban điều hành.
- Đến 15/03/2023, Công ty thay đổi nhân sự trong ban điều hành như sau:
 - Bà Phan Ngọc Lan thôi đảm nhận chức vụ Phụ trách kế toán Công ty kể từ ngày 01/3/2023; bổ nhiệm ông Nguyễn Trúc Lâm thay thế, đảm nhận chức vụ Kế toán trưởng Công ty.

2.4. Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động.

- Đến 31/12/2022, tổng số cán bộ nhân viên là 50 người;
- Đảm bảo việc ký hợp đồng lao động, trích nộp bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội bảo hiểm thất nghiệp và các quyền lợi khác của người lao động theo đúng các quy định của pháp luật;
- Thực hiện đúng các chế độ lương thưởng các dịp lễ tết cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

- Các công ty con:
 - Công ty TNHH xây dựng và kỹ thuật PCG Việt Nam; Hoạt động chính trong lĩnh vực xây lắp các công trình khí; các dự án xây lắp cho Công ty mẹ và các dự án xây lắp bên ngoài.
 - Công ty TNHH Thương mại thiết bị năng lượng Việt Nam; Hoạt động chính trong các lĩnh vực kinh doanh VTTB ngành khí và các VTTB ngoài ngành.
 - Công ty TNHH VNGAS Daklak : Hoạt động chính trong lĩnh vực chiết nạp LPG; bán lẻ bình LPG; và sơn sửa vỏ bình LPG.
 - Công ty TNHH PCG Phú Vinh: Thành lập để thực hiện dự án xây lắp hệ thống cấp khí Trung tâm cho các nhà máy tại khu Công nghiệp Phú Vinh (Kỳ Anh, Hà Tĩnh). Tuy nhiên do dự án chưa triển khai, nên Công ty TNHH PCG Phú Vinh chưa hoạt động.

Tóm tắt tình hình tài chính của các Công ty con như sau:

Chỉ tiêu	Mã số	PCG	EET	GasĐakLak	PCG Phú Vinh
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01			8.946.126	
2. Các khoản giảm trừ	02				
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01 - 02)	10			8.946.126	
4. Giá vốn hàng bán	11			5.475.785	
5. Lợi nhuận gộp bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10 - 11)	20			3.470.341	
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21				
7. Chi phí tài chính	22	37.534	15.918	16.407	15.011
- Trong đó: Lãi vay phải trả	23				
8. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh liên kết					
9. Chi phí bán hàng	24			377.420.588	
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	2.396.000	2.567.600	365.431.947	3.532.400
11. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20 + (21 - 22) - (24 + 25)}	30	-	-	-	-
12. Thu nhập khác	31			1	
13. Chi phí khác	32			191.123	
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40			191.122	
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50	-	-	-	-
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51				
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52				
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50 - 51 - 52)	60	-	-	-	-
		2.433.534	2.583.518	739.589.723	3.547.411

4. Tình hình tài chính

4.1. Tình hình tài chính

a. Tình hình tài chính

Đơn vị tính: đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	% tăng giảm
1	Tổng giá trị tài sản	254,855,371,202	251,121,452,493	-1.47%

2	Doanh thu thuần	392,809,521,730	420,975,461,918	7.17%
3	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	3,238,104,696	10,236,649	-99.68%
4	Lợi nhuận khác	716,035,252	86,906,372	-87.86%
5	Lợi nhuận trước thuế	3,954,139,948	97,143,021	-97.54%
6	Lợi nhuận sau thuế	3,916,341,765	97,143,021	-97.52%
7	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	198.27	-3.76	-101.90%

b. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020	Năm 2022	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSNH/ Nợ NH)	2.533	2.128	
	Hệ số thanh toán nhanh (TSNH - HTK)/ Nợ NH	2.330	1.963	
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	Hệ số nợ/ Tổng tài sản	0.340	0.330	
	Hệ số nợ/ Vốn chủ sở hữu	0.514	0.493	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	Vòng quay hàng tồn kho (Giá vốn hàng bán/ hàng tồn kho bình quân)	6.704	28.813	
	Doanh thu thuần/ Tổng tài sản	1.541	1.676	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Doanh thu thuần	0.010	0.00023	
	Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0.023	0.00058	
	Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng tài sản	0.015	0.00039	
	Hệ số lợi nhuận từ HĐSXKD/ Doanh thu thuần	0.008	0.00002	

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

5.1. Cổ phần:

- Tổng số cổ phần đang lưu hành: 18.870.000 (Mười tám triệu tám trăm bảy mươi)
- Loại cổ phần: Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do: 18.870.000 (Mười tám triệu tám trăm bảy mươi)

5.2. Cơ cấu cổ đông: Theo danh sách chốt ngày 25/3/2022

TT	Phân loại cổ đông	SL cổ đông	Tổng số cổ phần	Tỷ lệ %/VĐL
1	Cổ đông lớn	5	14,313,400	75.85%
	Cổ đông nhỏ	2131	4,556,600	24.15%
2	Cổ đông tổ chức	14	7,521,223	39.86%
	Cổ đông cá nhân	2122	11,348,777	60.14%

3	Cổ đông trong nước	2109	11,057,980	58.60%
	Cổ đông nước ngoài	27	7,812,020	41.40%
4	Cổ đông nhà nước	1	218,100	1.16%
	Cổ đông khác	1615	18,651,900	98.84%

5.3. *Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.* Không có

5.4. *Giao dịch cổ phiếu quỹ:* Không có

5.5. *Các chứng khoán khác:* Không có

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của công ty

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu:

- Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm: Không có
- Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không có

6.2. Tiêu thụ năng lượng.

- Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp:
 - o Điện phục vụ cho hoạt động văn phòng: 7.008 kwh/tháng, điện tại các trạm (bình quân 10-30KWh/trạm/tháng, sử dụng chủ yếu cho chiếu sáng/chạy báo rò gas, báo cháy)
 - o Xăng cho ô tô 140 lít/tháng;
- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả: không có
- Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này: không có

6.3. *Tiêu thụ nước:* (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm): Không đáng kể do hoạt động SXKD không sử dụng nước, nước chỉ dùng cho sinh hoạt văn phòng (50 CBNV, VP hạng B).

- Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: nguồn cung cấp nước là nước máy, lượng tiêu thụ trung bình 70 m³/tháng.
- Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng: không có

6.4. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

- Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có
- Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường: Không có

6.5. Chính sách liên quan đến người lao động

- Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động: Đến 31/12/2022, tổng số cán bộ nhân viên 50 người;

- Mức lương cho người lao động đảm bảo phù hợp với mặt bằng chung và tình hình thị trường. Thu nhập bình quân đạt: 10,29 triệu đồng/người/tháng;
- Đào tạo: Triển khai đào tạo cho 50 lượt người bao gồm đào tạo theo yêu cầu pháp luật và đào tạo nâng cao chuyên môn nghiệp vụ.
- Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động. Công tác an toàn, bảo hộ lao động được chú trọng, các CBNV làm việc tại các bộ phận có yêu cầu nghiêm ngặt về bảo hộ, trang thiết bị lao động đều được Công ty cấp phát và trang bị đầy đủ. 100% CBNV công ty được khám sức khỏe định kỳ hàng năm; được Công ty mua bảo hiểm con người ...

6.6. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

- Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng: Không có

6.7. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Không có

III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc:

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

Sự bùng phát và kéo dài của đại dịch COVID-19 đã tác động không nhỏ đến mọi mặt kinh tế-xã hội của Việt Nam, gây ảnh hưởng đến nền kinh tế thị trường nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh nói riêng. Trong năm 2022, việc phục hồi nền kinh tế vẫn còn chậm, tốc độ tăng trưởng giảm sâu do ảnh hưởng tiêu cực của dịch COVID-19. Vì thế, GASCITY cũng không ngoại lệ.

Xác định được mức độ nghiêm trọng của dịch bệnh sẽ gây ảnh hưởng to lớn đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty, Ban giám đốc Công ty đã có những biện pháp quyết liệt nhằm giảm thiểu những ảnh hưởng của dịch và đưa công ty vượt qua giai đoạn khó khăn:

- Về kinh doanh LPG: không để hàng tồn kho, bám sát khách hàng để thu hồi công nợ, hạn chế phát sinh nợ khó đòi, tích cực thu hồi nợ xấu.
- Về lĩnh vực xây lắp: đảm bảo thi công dự án xây lắp đúng tiến độ, được nghiệm thu và thanh quyết toán đúng hạn.
- Tích cực tìm kiếm, mở rộng khách hàng, cung cấp dịch vụ tư vấn về thị trường khí tại Việt Nam.

2. Tình hình tài chính

2.1. Tình hình tài sản

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	So sánh so với kỳ trước	
			CL so với kỳ trước	% CL so với kỳ trước
TÀI SẢN				
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	175,713,612,539	175,081,447,702	(632,164,837)	-0.36
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	27,021,639,204	11,101,551,072	(15,920,088,132)	-58.92
1. Tiền	8 959 674 340	5 421 551 072	(3,538,123,268)	-39.49
2. Các khoản tương đương tiền	18 061 964 864	5 680 000 000	(12,381,964,864)	-68.55
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	27,700,000,000	31,787,875,824	4,087,875,824	14.76
1. Đầu tư ngắn hạn			-	
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	-	-	-	
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	27 700 000 000	31 787 875 824	4,087,875,824	14.76
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	93,298,490,522	85,248,906,737	(8,049,583,785)	-8.63
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	82 578 342 584	66 627 685 965	(15,950,656,619)	-19.32
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	5 943 929 190	6 661 057 403	717,128,213	12.06
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	-	-	-	
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	24 372 429 335	28 372 429 335	4,000,000,000	16.41
6. Phải thu ngắn hạn khác	4 057 002 778	8 128 108 322	4,071,105,544	100.35
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-23 653 213 365	-24 540 374 288	(887,160,923)	3.75
8. Tài sản Thiếu chờ xử lý			-	
IV. Hàng tồn kho	14,056,618,557	13,575,012,898	(481,605,659)	-3.43
1. Hàng tồn kho	14 592 913 313	14 231 490 665	(361,422,648)	-2.48
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	- 536 294 756	- 656 477 767	(120,183,011)	22.41
V. Tài sản ngắn hạn khác	13,636,864,256	33,368,101,171	19,731,236,915	144.69
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	211 094 871	183 540 487	(27,554,384)	-13.05
2. Thuế GTGT được khấu trừ	13 425 769 385	33 184 560 684	19,758,791,299	147.17
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước			-	

4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	
5. Tài sản ngắn hạn khác	-	-	-	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	79,141,758,663	76,040,004,791	(3,101,753,872)	-3.92
I. Các khoản phải thu dài hạn	65,795,872	65,795,872	-	0.00
1. Phải thu dài hạn của khách hàng			-	
2. Trả trước cho người bán dài hạn			-	
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	-	-	-	
4. Phải thu nội bộ dài hạn			-	
5. Phải thu về cho vay dài hạn	-	-	-	
6. Phải thu dài hạn khác	65 795 872	65 795 872	-	0.00
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi			-	
II. Tài sản cố định	17,936,421,784	15,484,220,585	(2,452,201,199)	-13.67
1. Tài sản cố định hữu hình	17,165,247,371	14,737,461,169	(2,427,786,202)	-14.14
- Nguyên giá	31 427 568 919	31 427 568 919	-	0.00
- Giá trị hao mòn lũy kế	-14 262 321 548	-16 690 107 750	(2,427,786,202)	17.02
2. Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-	
- Nguyên giá	-	-	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	
3. Tài sản cố định vô hình	771,174,413	746,759,416	(24,414,997)	-3.17
- Nguyên giá	1 408 758 913	1 408 758 913	-	0.00
- Giá trị hao mòn lũy kế	- 637 584 500	- 661 999 497	(24,414,997)	3.83
III. Bất động sản đầu tư	-	-	-	
- Nguyên giá	-	-	-	
- Giá trị hao mòn lũy kế	-	-	-	
IV. Tài sản dở dang dài hạn	1,851,901,617	1,967,756,721	115,855,104	6.26
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	-	-	-	

2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	1 851 901 617	1 967 756 721	115,855,104	6.26
V. Đầu tư tài chính dài hạn	55,816,781	-	(55,816,781)	-100.00
1. Đầu tư vào công ty con			-	
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	-	-	-	
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	-	-	-	
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	-	-	-	
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	55 816 781		(55,816,781)	-100.00
VI. Tài sản dài hạn khác	59,231,822,609	58,522,231,613	(709,590,996)	-1.20
1. Chi phí trả trước dài hạn	59 201 205 063	58 491 614 067	(709,590,996)	-1.20
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	30 617 546	30 617 546	-	0.00
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	-	-	-	
4. Tài sản dài hạn khác	-	-	-	
5. Lợi thế thương mại			-	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	254,855,371,202	251,121,452,493	(3,733,918,709)	-1.47
NGUỒN VỐN				
C. NỢ PHẢI TRẢ	86,561,623,016	82,898,561,286	(3,663,061,730)	-4.23
I. Nợ ngắn hạn	69,374,069,197	82,277,012,384	12,902,943,187	18.60
1. Phải trả người bán ngắn hạn	61 575 382 285	55 220 786 555	(6,354,595,730)	-10.32
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1 203 500 735	2 012 242 419	808,741,684	67.20
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	57 833 994	91 059 851	33,225,857	57.45
4. Phải trả người lao động	558 213 328	508 525 864	(49,687,464)	-8.90
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3 523 850 979	4 821 728 315	1,297,877,336	36.83
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	204 376 785	192 464 119	(11,912,666)	-5.83
9. Phải trả ngắn hạn khác	2 154 059 629	2 090 936 867	(63,122,762)	-2.93

10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		17 322 900 000	17,322,900,000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	96 851 462	16 368 394	(80,483,068)	-83.10
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	
13. Quỹ bình ổn giá	-	-	-	
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	
II. Nợ dài hạn	17,187,553,819	621,548,902	(16,566,004,917)	-96.38
1. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-	-	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-	-	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	-	-	-	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			-	
7. Phải trả dài hạn khác	422 050 783	563 982 963	141,932,180	33.63
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16,731,600,000		(16,731,600,000)	-100.00
9. Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	
10. Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	33 903 036	57 565 939	23,662,903	69.80
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	
D.VỐN CHỦ SỞ HỮU	168,293,748,186	168,222,891,207	(70,856,979)	-0.04
I. Vốn chủ sở hữu	168,293,748,186	168,222,891,207	(70,856,979)	-0.04
1. Vốn góp của chủ sở hữu	188,700,000,000	188,700,000,000	-	0.00
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	188,700,000,000	188,700,000,000	-	0.00
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	
2. Thặng dư vốn cổ phần	15,480,000,000	15,480,000,000	-	0.00
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	-	-	-	

4. Vốn khác của chủ sở hữu	-	-	-	
5. Cổ phiếu quỹ	-	-	-	
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	-	-	-	
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	-	-	-	
8. Quỹ đầu tư phát triển	2,596,615,372	2,596,615,372	-	0.00
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	-	-	-	
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	337,031,314	337,031,314	-	0.00
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	(38,819,898,500)	(38,890,755,479)	(70,856,979)	0.18
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	-42 561 240 265	-38 819 898 500	3,741,341,765	-8.79
- LNST chưa phân phối kỳ này	3 741 341 765	- 70 856 979	(3,812,198,744)	-101.89
12. Nguồn vốn đầu tư XDCB	-	-	-	
13. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	-	-	-	
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	-	-	-	
1. Nguồn kinh phí	-	-	-	
2. Nguồn kinh phí đã hình thành TSCĐ	-	-	-	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	254,855,371,202	251,121,452,493	(3,733,918,709)	-1.47

- Các khoản tương đương tiền phản ánh số dư tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng kể từ ngày gửi.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có kỳ hạn gốc trên 3 tháng và thời hạn thu hồi dưới 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn dài hạn thể hiện các khoản tiền gửi tại các ngân hàng thương mại có thời hạn thu hồi trên 12 tháng kể từ thời điểm báo cáo.
- Công ty có một số khoản trả trước cho người bán

Tên	Năm 2021	Năm 2022
Công ty CP Sông Đà – Thăng Long (i)	5,577,000,000	5,577,000,000
Công ty TNHH Xây dựng Lại Giang	141,091,500	141,091,500
Công ty TNHH Hướng Minh	-	158,834,175

Đối tượng khác	225,837,690	784,131,728
Tổng cộng	5,943,929,190	6,661,057,403

- Chi phí trả trước dài hạn:

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022
Tiền thuê đất và cơ sở hạ tầng gắn liền trên đất trong KCN Phú Vinh	34,911,000,000	34,911,000,000
Tiền thuê văn phòng tại Tòa nhà Viện Dầu Khí Việt Nam	23,665,893,604	23.052.948.236
Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác	624,311,459	527.665.831
Cộng	59,201,205,063	58.491.614.067

- Khoản tiền thuê lại quyền sử dụng đất và nhận chuyển nhượng cơ sở hạ tầng gắn liền trên đất tại khu công nghiệp Phú Vinh thuộc khu kinh tế Vũng Áng, tỉnh Hà Tĩnh theo Hợp đồng số 01/2019/HĐTĐ/PV ngày 07/01/2019 và các phụ lục kèm theo.
- Khoản tiền thuê văn phòng 508m², tầng 4 tại tòa nhà Viện dầu khí Việt Nam theo hợp đồng thuê văn phòng số 2909/2010/HĐ-VĐKVN ngày 21/12/2010 và các phụ lục kèm theo với thời hạn thuê 50 năm đến ngày 10/8/2060. Tiền thuê văn phòng trả trước được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê.
- Phải thu về cho vay ngắn hạn:

STT	Đối tượng	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch
1	Công ty TNHH đầu tư Việt Tú (i)	24,372,429,335	24,372,429,335	0
2	Công ty TNHH đầu tư và quản lý Hoàng Phúc (ii)	-	4,000,000,000	4,000,000,000
	Tổng	24,372,429,335	28,372,429,335	4,000,000,000

- (i) Phản ánh số dư phải thu Công ty TNHH đầu tư Việt Tú theo Hợp đồng cho vay số 12/HĐKĐT ngày 10/05/2018, phụ lục gia hạn khoản vay số 04 ngày 01/07/2021 gia hạn khoản vay 12 tháng kể từ ngày ký PLHĐ. Số dư gốc vay tại ngày 31/12/2021 là: 24.372.429.335 đồng, lãi suất cho vay 6%/năm. Lãi vay được nhập gốc và gốc vay được trả một lần vào ngày hết hạn khoản vay. Khoản cho vay này đã quá hạn thanh toán từ ngày 01/07/2022. Công ty đã gửi hồ sơ khởi kiện Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú lên Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Ngày 29/9/2022, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã ban hành Quyết định số 07/2022/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa 2.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị trong tài khoản chứng khoán của Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú tại Công ty Cổ phần chứng khoán SSI. Đến thời điểm hiện tại Tòa án tiến hành xét xử vụ án này. Việc thu hồi được khoản cho vay nêu trên sẽ tùy thuộc vào kết quả phán quyết cuối cùng của Tòa án.

(ii) Khoản phải thu cho vay Công ty TNHH Đầu tư và Quản lý Hoàng Phúc theo hợp đồng cho vay số 18/HĐKT ngày 06/12/2022 với kỳ hạn 1 năm và không tính lãi.

- Hiện nay công ty có một số khoản nợ xấu của các khách hàng, cụ thể như sau:

Đơn vị tính: đồng

STT	Đối tượng	Năm 2021	Năm 2022	Chênh lệch
1	Công ty CP Sông Đà – Thăng Long	9,583,942,801	9,583,942,801	
2	Công ty TNHH MTV KD Dầu Khí Việt Hải	2,973,279,100	2,973,279,100	
3	Công ty TNHH khí hóa lỏng Đông Đô	2,905,659,887	2,905,659,887	
4	Công ty CP Khí hóa lỏng Bắc Giang	2,625,291,171	2,625,291,171	
5	Công ty TNHH Đầu tư Đa ngành Thành Lợi	2,054,625,909	2,054,625,909	
6	Công ty CP ĐT&PT NL Hà Nội	819,102,549	819,102,549	
7	Tianjin Ruoshui Energy Technology Co., Ltd	1,088,592,554	1,125,616,241	37,023,687
8	Công ty CP gạch Granit Nam Định	5,035,539,974	3,685,539,974	(1,350,000,000)
9	Công ty CP Dầu khí Sài Gòn – Hà Nội	655,978,734	205,978,734	(450,000,000)
10	Các khách hàng khác	1,902,487,564	1,907,172,929	4,685,365
	Tổng	29,644,500,243	27,886,209,295	(1,758,290,948)

2.2. Tình hình nợ phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2021	Năm 2022	So sánh so với kỳ trước	
			CL so với kỳ trước	% CL so với kỳ trước
C. NỢ PHẢI TRẢ	86,561,623,016	82,898,561,286	(3,663,061,730)	-4.23
I. Nợ ngắn hạn	69,374,069,197	82,277,012,384	12,902,943,187	18.60
1. Phải trả người bán ngắn hạn	61 575 382 285	55 220 786 555	(6,354,595,730)	-10.32
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	1 203 500 735	2 012 242 419	808,741,684	67.20
3. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	57 833 994	91 059 851	33,225,857	57.45
4. Phải trả người lao động	558 213 328	508 525 864	(49,687,464)	-8.90
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	3 523 850 979	4 821 728 315	1,297,877,336	36.83
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	-	-	-	

7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	-	-	-	
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	204 376 785	192 464 119	(11,912,666)	-5.83
9. Phải trả ngắn hạn khác	2 154 059 629	2 090 936 867	(63,122,762)	-2.93
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn		17 322 900 000	17,322,900,000	
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	96 851 462	16 368 394	(80,483,068)	-83.10
12. Quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	
13. Quỹ bình ổn giá	-	-	-	
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	-	-	-	
II. Nợ dài hạn	17,187,553,819	621,548,902	(16,566,004,917)	-96.38
1. Phải trả người bán dài hạn	-	-	-	
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	-	-	-	
3. Chi phí phải trả dài hạn	-	-	-	
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	-	-	-	
5. Phải trả nội bộ dài hạn	-	-	-	
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn			-	
7. Phải trả dài hạn khác	422 050 783	563 982 963	141,932,180	33.63
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	16,731,600,000		(16,731,600,000)	-100.00
9. Trái phiếu chuyển đổi	-	-	-	
10. Cổ phiếu ưu đãi	-	-	-	
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-	-	
12. Dự phòng phải trả dài hạn	33 903 036	57 565 939	23,662,903	69.80
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	-	-	-	

- Trong các khoản nợ phải trả ngắn hạn thì phải trả người bán chiếm tỷ trọng lớn nhất (67.1%). Trong đó, nợ phải trả Công ty TNHH dầu khí Đà Hải là 23,675,085,996 đồng.

- Các khoản phải trả khác bao gồm các khoản như:

Kinh phí công đoàn, bảo hiểm xã hội	71,209,325 đồng
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	653,208,027 đồng
Phải trả cổ tức	1,147,529,200 đồng

Phải trả khác 218,990,315 đồng

- Dự phòng phải trả là dự phòng bảo hành công trình, là ước tính chính xác nhất về khoản nợ phải trả cho thời hạn bảo hành mà công ty áp dụng đối với các công trình xây dựng phát sinh lỗi phải bảo hành.

Tại ngày 1/1/2022 130.754.498 đồng

Trích lập bổ sung trong năm 40.031.297 đồng

Sử dụng trong năm 0 đồng

Hoàn nhập dự phòng (96.851.462) đồng

Tại ngày 31/12/2022 73.934.333 đồng

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

- Hệ thống các quy trình, quy định được rà soát, cập nhật để đáp ứng công tác quản lý, điều hành của ban lãnh đạo và để kịp thời phục vụ hoạt động sản xuất của Công ty

4. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý: không

5. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Củng cố hệ thống khách hàng hiện thời, tăng cường các hoạt động tìm kiếm và tiếp xúc để phát triển thêm khách hàng công nghiệp/khu công nghiệp mới, chú trọng các khách hàng trong các khu công nghiệp có sản lượng lớn.
- Tăng cường hợp tác đầu tư, thi công xây lắp hệ thống LPG cho khu công nghiệp và khách hàng công nghiệp nhằm tăng doanh thu xây lắp và bán LPG.
- Nghiên cứu đa dạng hóa nguồn khí cung cấp bằng đường ống cho các Thành phố và khu đô thị.

6. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có): Không có

7. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của công ty/

7.1. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải.....)

- Các chỉ tiêu tiêu thụ nước, điện, xăng dầu của Công ty đang ở mức trung bình;
- Công ty có khí phát thải ra môi trường qua việc sử dụng ô tô cho hoạt động của Công ty

7.2. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động.

- 100% CBNV được bố trí việc làm đầy đủ, phù hợp với chuyên môn, được đóng bảo hiểm đầy đủ và được mua bảo hiểm tự nguyện;
- Công ty thực hiện trả lương cho người lao động đúng thời hạn, theo chức danh công việc đảm nhận;
- Công ty quan tâm, chăm lo đến đời sống tinh thần và vật chất của người lao động: các ngày lễ, tết, 8/3; 20/10, thành lập Công ty đều được công ty tổ chức các hoạt động tập thể nhằm mục đích gắn kết người lao động; Tổ chức đoàn thể là Công đoàn phối hợp với chính quyền thường xuyên thăm hỏi các CBNV khi ốm đau nhằm động viên, chia sẻ những khó khăn trong cuộc sống

7.3. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương:

Không có

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Công ty trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội.

- Năm 2022, Công ty vẫn gặp rất nhiều khó khăn do chịu tác động của dịch bệnh Covid 19, chiến tranh, lạm phát,...; thị trường kinh doanh LPG cạnh tranh khốc liệt, các khách hàng của Công ty cũng bị ảnh hưởng dẫn đến việc cắt giảm sản lượng, kéo dài thời hạn thanh toán....Đối mặt với những khó khăn đó, tập thể CBNV Công ty đã nỗ lực cố gắng tập trung mở rộng tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp; hoàn thành quyết toán các hợp đồng xây lắp hệ thống gas; đảm bảo vận hành hệ thống Citygas an toàn, hiệu quả, không có các hoạt động làm ảnh hưởng không phù hợp với môi trường và xã hội

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Giám đốc công ty*

- Ban giám đốc Công ty đã thực hiện nghiêm túc Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 và các kết luận chỉ đạo của HĐQT tại các phiên họp, Ban giám đốc Công ty đã triển khai các biện pháp nhằm thực hiện các mục tiêu và nhiệm vụ sản xuất kinh doanh như:
 - o Chỉ đạo đẩy nhanh tiến độ thi công các công trình đã ký hợp đồng, quyết toán các hợp đồng đã thi công xong;
 - o Tìm kiếm khách hàng LPG công nghiệp; phát triển khách hàng citygas tại các dự án có hệ thống gas Trung tâm;
 - o Tái cơ cấu tổ chức theo hướng tinh gọn nhẹ bộ máy, tiết kiệm chi phí quản lý, bán hàng....
- Trong công tác quản lý điều hành, Ban giám đốc đã phân giao nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên theo nguyên tắc toàn diện và chịu trách nhiệm đến cùng các vấn đề được giao, trên cơ sở tuân thủ các quy định của Công ty và pháp luật.

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị.*

- Năm 2022 do hạn chế vấn đề đi lại trong điều kiện các thành viên HĐQT chủ yếu là người nước ngoài. Để đảm bảo ổn định tình hình sản xuất, nâng cao hiệu quả trong SXKD, Hội đồng quản trị Công ty tập trung chỉ đạo vào các lĩnh vực sau:
 - o Chỉ đạo Ban Giám đốc công ty triển khai Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2022, bám sát các hoạt động của Công ty trong việc triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022, hỗ trợ và phối hợp Giám đốc xử lý kịp thời và tháo gỡ những khó khăn vướng mắc để hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
 - o Tăng cường công tác phát triển dự án LPG công nghiệp; Triển khai để đẩy nhanh tiến độ thực hiện các dự án LPG Công nghiệp, đảm bảo chất lượng, hoàn thành đúng tiến độ để đưa công trình vào sử dụng nhằm mở rộng thị trường kinh doanh LPG, CNG.... Đặc biệt là dự án mà công ty đã đầu tư trạm cấp.
 - o Tiếp tục chỉ đạo quyết liệt Ban Giám đốc có phương án xử lý dứt điểm các tồn đọng liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty như: thu hồi nợ khó đòi; chỉ đạo, định hướng các công ty con ...
 - o Chỉ đạo triển khai kế hoạch SXKD năm 2022 nhằm tiết kiệm tối đa chi phí để sản xuất kinh doanh có hiệu quả.

- Kiện toàn lại bộ máy quản lý cho phù hợp với tình hình mới để thực hiện các mục tiêu phát triển trong thời gian tới.
- Rà soát, điều chỉnh lại các quy định quy chế nội bộ cho phù hợp với tình hình SXKD;

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

1.1. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị trong năm 2022 có 05 thành viên, trong đó không điều hành là 03.

T T	Họ và tên	Chức vụ		Số lượng CP SH		Chức vụ tại TC khác	Ghi chú
				Số lượng	Tỷ lệ		
1	Cheung Yip Sang	CT	TV điều hành				Bổ nhiệm Chủ tịch HDQT ngày 15/9/2022
2	Giang Nhượng Trì	TV	TV không ĐH				
3	Youn Kwon Seok	TV	TV không ĐH				
4	Nguyễn Thanh Tú	TV	TV không ĐH	1.491.700	7.91%	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm chức vụ Chủ tịch HDQT kể từ ngày 15/9/2022
5	Zhu ZhiLin	TV	TV điều hành	4.700.000	24.9%		

1.2. Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị: Ban kiểm toán nội bộ thành lập ngày 30/12/2021

1.3. Hoạt động của Hội đồng quản trị:

- Giám sát, chỉ đạo Giám đốc trong việc thực hiện Công tác tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2022;
- Giám sát việc chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Giám đốc; Việc triển khai các Nghị quyết/ Quyết định của HDQT và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022;
- Chỉ đạo Giám đốc Công ty trong việc xây dựng KHKD năm 2022;
- Giám sát việc triển khai các dự án xây lắp hệ thống gas Trung tâm và công tác thanh quyết toán các dự án;
- Công tác thu hồi công nợ đối với các khách hàng LPG và xây lắp;
- Việc sử dụng lao động và thực hiện các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Công ty và pháp luật;

- Chủ tịch Hội đồng quản trị thường xuyên cập nhật tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty để có những chỉ đạo kịp thời trong công tác lãnh đạo quản lý, điều hành của Ban Giám đốc;
- Năm 2022, HĐQT công ty tổ chức họp HĐQT, nội dung các cuộc họp và kết quả họp và xin ý kiến như sau :

Stt	Ngày ban hành	Nội dung
I. Nghị quyết HĐQT		
1	02/3/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Ủy quyền Giám đốc Công ty quyết định dừng dự án đầu tư cấp Gas trung tâm tại KĐT Vĩnh Diêm Trung – Nha Trang, bán /chuyển nhượng quyền sử dụng đất tại dự án này; - Chuyển nhượng 100% vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH VN Gas Daklak; - Ủy quyền Giám đốc Công ty toàn quyền quyết định các vấn đề liên quan đến việc dừng, bán/chuyển nhượng 02 dự án trên; - Ủy quyền Giám đốc Công ty quyết định ngày đăng ký cuối cùng để tham dự ĐHĐCĐ thường niên 2022
2	19/04/2022	<p>Thông qua các nội dung trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021, cụ thể:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Thông qua báo cáo kết quả hoạt động SXKD 2020; KHKD năm 2021; 2. Thông qua BCTC kiểm toán năm 2020; 3. Thông qua BC kết quả thù lao HĐQT, BKS năm 2020 và kế hoạch chi trả năm 2021; 4. Thông qua BC hoạt động của HĐQT năm 2020 và kế hoạch năm 2021; 5. Tạm ngừng hoạt động của Công ty TNHH VN Gas Daklak; Ủy quyền cho Giám đốc công ty quyết định, thực hiện các vấn đề liên quan việc tạm ngừng kinh doanh của Công ty TNHH VN Gas Daklak; 6. Ủy quyền cho ông Zhu ZhiLin – Thành viên HĐQT thực hiện quyền của Chủ tịch HĐQT tại ĐHĐCĐ thường niên 2022
3	15/9/2022	<ul style="list-style-type: none"> - Thôi đảm nhận chức vụ chủ tịch HĐQT Công ty đối với bà Nguyễn Thanh Tú kể từ ngày 15/9/2022. - Bổ nhiệm ông Cheung Yipsang – TVHĐQT đảm nhận chức vụ Chủ tịch HĐQT Công ty kể từ ngày 15/9/2022.

1.4. Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập.

- Thực hiện các nhiệm vụ của thành viên độc lập HĐQT theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty

1.5. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty.

2. Ban Kiểm soát

2.1. Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do công ty phát hành)

TT	Thành viên BKS	Chức vụ	Số lượng CP SH		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ	
1	Gao Zhixin	TB	0		Bầu KSV ngày 26/10/2021
2	Cao Lệ Thu	KSV	0		Bầu KSV ngày 26/10/2021
3	Nguyễn Thị Thu Hương	KSV	0		Hết nhiệm kỳ ngày 26/04/2022

2.2. Hoạt động của Ban kiểm soát:

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông: BKS công ty thực hiện chức năng nhiệm vụ theo quy định tại Điều lệ Công ty và Pháp luật, kết quả giám sát năm 2022 như sau:

- Giám sát việc tuân thủ các quy định pháp luật hiện hành và Điều lệ Công ty trong việc lãnh đạo, chỉ đạo điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của ban lãnh đạo Công ty.
- Giám sát việc thực hiện các Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông.
- Phối hợp với Hội đồng quản trị, kiểm tra, giám sát các hoạt động sản xuất kinh doanh toàn Công ty. Giám sát trong việc quản lý, sử dụng nguồn vốn, tài sản và các nguồn lực khác của Công ty, nhằm đảm bảo sử dụng vốn hiệu quả, chống thất thoát, lãng phí, tuân thủ đúng quy định, nội quy, quy chế của Công ty và pháp luật của Nhà nước.
- Thẩm định Báo cáo tài chính hàng quý, bán niên và cả năm, đảm bảo tính đúng đắn, minh bạch trong các báo cáo. Phân tích, đánh giá tình hình tài chính, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của Công ty.
- Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế theo các chuẩn mực kế toán do Bộ Tài chính ban hành.
- Báo cáo tài chính năm 2022 của Công ty đã được Công ty TNHH Kiểm toán An Việt thực hiện theo quy định tại Điều lệ Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022.
- Hội đồng quản trị tổ chức họp thường kỳ hàng quý, các nghị quyết, quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đã tuân thủ theo đúng Điều lệ Công ty và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, đã được Ban Giám đốc Công ty triển khai thực hiện theo đúng yêu cầu.
- Việc trả lương, thưởng cho người lao động được thực hiện đầy đủ. Lãnh đạo Công ty đã chú trọng thực hiện đầy đủ, kịp thời các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của pháp luật.

Năm 2022, do tình hình dịch bệnh Covid 19, Ban kiểm soát Công ty tổ chức cuộc họp và liên hệ, trao đổi qua điện thoại và email.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát 2022

3.1. Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích

Đơn vị tính: đồng

TT	Họ tên	Lương	Thù lao HĐQT	Cộng	Ghi chú
I	HĐQT	297,583,333	96,000,000	393,583,333	
1	Nguyễn Thanh Tú	297,583,333	24,000,000	321,583,333	
2	Cheung Yip Sang		24,000,000	24,000,000	
3	Giang Nhượng Trì		24,000,000	24,000,000	
4	Yoon Kwon Seok		24,000,000	24,000,000	
II	BKS	149,907,195	52,500,000	202,407,195	
1	Nguyễn Thị Thu Hương		10,500,000	10,500,000	
2	Cao Lệ Thu	149,907,195	18,000,000	167,907,195	Bầu là KSV ngày 26/10/2021
3	Gao Zhixin		24,000,000	24,000,000	Bầu là KSV ngày 26/10/2021
III	BGD	726,832,480	24,000,000	750,832,480	
1	ZHU ZHILIN	385,548,320	24,000,000	409,548,320	Bổ nhiệm giám đốc 15/01/2021; Bầu là TVHĐQT ngày 26/10/2021
2	WU ZHIJUN	341,284,160		341,284,160	Bổ nhiệm PGĐ 25/02/2021
IV	Cộng	1,174,323,008	172,500,000	1,346,823,008	

3.2. Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số CP	Tỷ lệ	Số CP	Tỷ lệ	
1	Công ty TNHH đầu tư Việt Tú	Người đại diện là bà Nguyễn Thanh Tú giữ chức vụ Thành viên HĐQT công ty	5.571.700	29.53%	2.800.000	14.84%	Bán CP (theo Báo cáo kết quả giao dịch ngày 17/11/2022 của Công ty TNHH đầu tư Việt Tú)

3.3. Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không

VI. *Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty:* Công ty đã tuân thủ các quy định về quản trị Công ty. Trong năm, vì lý do dịch bệnh nên cán bộ chủ chốt của Công ty chưa tham gia các khóa đào tạo về quản trị Công ty.

VII. Báo cáo tài chính/

1. Ý kiến kiểm toán

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các cổ đông
Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2023, từ trang 04 đến trang 31, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31/12/2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị chịu trách nhiệm lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi phải tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Tại ngày 31/12/2022, Công ty có số dư khoản phải thu cho vay và lãi dự thu với Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú (bên liên quan) với số tiền lần lượt là 24.372.429.335 đồng và 1.462.345.760 đồng theo Hợp đồng cho vay số 12/HĐKĐT ngày 09/05/2018 và Phụ lục số 04 ngày 01/07/2021 đã quá hạn thanh toán từ ngày 01/07/2022. Công ty đã gửi hồ sơ khởi kiện Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú lên Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy. Ngày 29/9/2022, Tòa án nhân dân quận Cầu Giấy đã ban hành Quyết định số 07/2022/QĐ-BPKCTT áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời phong tỏa 2.800.000 cổ phần Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gas Đô thị trong tài khoản chứng khoán của Công ty TNHH Đầu tư Việt Tú tại Công ty Cổ phần chứng khoán SSI. Đến thời điểm hiện tại Tòa án chưa tiến hành xét xử vụ án này. Việc thu hồi được khoản cho vay nêu trên sẽ tùy thuộc vào kết quả phán quyết cuối cùng của Tòa án. Công ty chưa trích lập dự phòng phải thu khó đòi đối với khoản phải thu cho vay này. Chúng tôi không đánh giá được khả năng, thời gian và mức độ thu hồi khoản phải thu cho vay nêu trên cũng như ảnh hưởng của vấn đề này đến Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2022.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng nêu tại “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Đầu tư phát triển Gas Đô thị tại ngày 31/12/2022 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Toàn văn báo cáo tài chính kiểm toán năm 2022 được đăng tại địa chỉ website: www.pvgascity.com.vn

Nơi nhận:

- UBCKNN;
- Sở GD&ĐT HN;
- HĐQT, BKS (báo cáo);
- Lưu VT. LT.03.



Zhu ZhiLin